TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/DS-ST
Ngày: 26/4/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phan Thị Thanh Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lâm Văn Vô
2. Bà Trần Nguyệt Mai
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2023/DSST ngày 11/12/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: B160E BP, xã BN, thị xã TA, tỉnh BD

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn P, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: P7.4 Lô B, Chung cư 109 NB, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Kim T ngày 03 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Ông Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Tuấn P là bạn bè. Trước đó nguyên đơn ông T đã nhiều lần cho ông P mượn tiền để làm ăn. Ngày 08/6/2023, ông P đã viết giấy mượn tiền, để chốt nợ. Cụ thể, nội dung giấy mượn tiền như sau: Ông P vay của ông T số tiền 2.186.000.000 (hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng), mục đích trang trải chi phí công trình, thời hạn trả tiền vay đến ngày 20/06/2023. Tuy nhiên,

hết thời hạn trả tiền, ông T đã nhiều lần liên hệ ông P, nhưng ông P tỏ ra không thiện chí hợp tác.

Nay nguyên đơn ông Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Tuấn P trả số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền đã ký kết ngày 08/06/2023, số tiền là 2.186.000.000 đồng (hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn P vắng mặt trong các phiên làm việc, hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ mặc dù Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành được việc hòa giải giữa các đương sự để tiến hành thủ tục giải quyết vụ án theo đúng quy trình pháp luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt

Nguyên đơn ông Nguyễn Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Nguyễn Tuấn P trả số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền đã ký kết ngày 08/06/2023, số tiền là 2.186.000.000 đồng (hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị đơn vắng mặt, không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến nhận xét về việc Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đầy đủ đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Tuấn P trả cho ông Nguyễn Kim T số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền đã ký kết ngày 08/06/2023, số tiền là 2.186.000.000 đồng (hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp vụ án:

[1.1] Xét thấy các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin được vắng mặt hoặc đã được tống đạt hợp lệ hai lần nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn là ông Nguyễn Tuấn P đang cư ngụ tại Quận N. Vì vậy, theo khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 36; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Quận N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp vụ án: Ông Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tuấn P trả số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền đã ký kết ngày 08/06/2023, số tiền là 2.186.000.000 đồng (hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người liên quan không có yêu cầu độc lập. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Về yêu cầu của các đương sự xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Kim T buộc bị đơn ông Nguyễn Tuấn P trả số tiền đã mượn theo giấy mượn tiền đã ký kết ngày 08/06/2023, số tiền là 2.186.000.000 đồng (hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng):

Căn cứ vào Giấy mượn tiền do nguyên đơn nộp có nội dung: *"Tôi tên Nguyễn Tuấn P, CMND số 025999042 do CA HCM cấp ngày 25/12/2014. Hôm nay ngày 02/6/2023 tôi có mượn tiền của anh Nguyễn Kim T, CCCD số 054083008902 số tiền: 2.186.000.000 đồng, nội dung: trang trải chi phí công trình. Đến ngày 20/06/2023 gửi trả lại anh T số tiền này (2.186.000.000 – hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng chẵn)*. Sau đó, ông Nguyễn Tuấn P tỏ ra không có thiện chí hợp tác, nguyên đơn không liên lạc được.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa nguyên đơn ông Nguyễn Kim T và bị đơn ông Nguyễn Tuấn P có quan hệ vay mượn tiền. Nguyên đơn ông T cũng đưa ra được chứng cứ là giấy mượn tiền do chính bị đơn ông Nguyễn Tuấn P trực tiếp ký vào ngày 08/6/2023, khi mượn hai bên thỏa thuận hẹn ngày 20/6/2023 sẽ thanh toán và không thỏa thuận lãi suất. Như vậy giao dịch đang được thực hiện này của hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 463 Bộ luật Dân sự. Khi đến hạn thanh toán, bị đơn ông Nguyễn Tuấn P không trả số tiền trên cho nguyên đơn ông Nguyễn Kim T và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Bị đơn ông Nguyễn Tuấn P vắng mặt trong các phiên hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ nên việc hòa giải không thể tiến hạnh. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là hoàn toàn phù hợp với các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các tình tiết, sự kiện do nguyên đơn đưa ra không bị bất kỳ đương sự nào phản đối, nên nguyên đơn không cần phải chứng minh gì thêm.

Từ những nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 75.720.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.860.000 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Kim T, buộc bị đơn ông Nguyễn Tuấn P phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Kim T số tiền là 2.186.000.000 đồng (hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nói trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn P phải chịu 75.720.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Kim T số tiền 37.860.000 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0000928 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hánh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nôi nhận:
- TAND TP.HCM;
- TAND Quận N;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận N;
- Chi cục THADS Quận N;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Trang